

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/DS-ST.

Ngày: 16-8-2024

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng dân sự có
đặt cọc”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Trường và ông Nguyễn Xuân Hình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phí Hoàng Tuấn - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà My La - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp Hợp đồng dân sự có đặt cọc theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Hồng T1 – Công ty L1 và Đồng nghiệp. Địa chỉ: Số C, L, Tổng cục E, huyện T, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty L1 và đồng nghiệp: Ông Lê Lam S, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số E, đường N, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy uỷ quyền ngày 10-6-2024. Vắng mặt.

Bị đơn: Ông Đặng Xuân Q, sinh năm 1991 và bà Bùi Thị Thanh H, sinh năm 1995. Địa chỉ: Xóm D, Thôn I, xã T, huyện D, Lâm Đồng. Đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Kim Đ – Văn phòng luật sư Nguyễn Hữu M thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L. Địa chỉ: Số G, đường L, thị trấn D,

huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung ngày 23 tháng 5 năm 2024, các tài liệu chứng cứ và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Nguyễn Thị Hồng L đều trình bày:

Ngày 15-9-2023 ông Nguyễn Văn T dùng tài khoản của Ngân hàng T3 số tài khoản là 90916666668 đã chuyển khoản vào tài khoản M1 của ông Đặng Xuân Q số tài khoản 118181 số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền đặt cọc để thực hiện sang nhượng đối với diện tích 20.027m², thửa 65, 82, 83, tờ bản đồ số 57, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Đến ngày 26-9-2023 thì ông Nguyễn Văn T và ông Đặng Xuân Q, bà Bùi Thị Thanh H ký kết Hợp đồng đặt cọc. Do vợ chồng ông Đặng Xuân Q, bà Bùi Thị Thanh H vi phạm hợp đồng không đến văn phòng công chứng làm thủ tục sang tên.

Nay ông Nguyễn Văn T yêu cầu: Huỷ Hợp đồng dân sự có đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được ký kết ngày 26-9-2023 giữa ông Nguyễn Văn T và ông Đặng Xuân Q, bà Bùi Thị Thanh H; Hậu quả huỷ hợp đồng: Yêu cầu vợ chồng ông Đặng Xuân Q, bà Bùi Thị Thanh H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng và bồi thường do không bán, chuyển nhượng tài sản số tiền 200.000.000 đồng. Tổng cộng 400.000.000 đồng.

Tài liệu chứng cứ chứng minh: Hợp đồng dân sự có đặt cọc ngày 26-9-2023 và Sổ phụ kiểm phiếu báo nợ/ có ngày 15-9-2023.

Ngoài ra, ông Nguyễn Văn T không có yêu cầu gì khác.

Quá trình tố tụng và tại phiên toà ông Đặng Xuân Q, bà Bùi Thị Thanh H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Nguyễn Kim Đ trình bày:

Ông Đặng Xuân Q thừa nhận ngày 15-9-2023 ông Nguyễn Văn T dùng đã chuyển khoản vào tài khoản ông Đặng Xuân Q số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền đặt cọc để thực hiện sang nhượng đối với diện tích 20.027m², thửa 65, 82, 83, tờ bản đồ số 57, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Đến ngày 26-9-2023, ông Nguyễn Văn T và ông Đặng Xuân Q, bà Bùi Thị Thanh H ký kết Hợp đồng đặt cọc.

Ông Nguyễn Văn T yêu cầu huỷ Hợp đồng dân sự có đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được ký kết ngày 26-9-2023 giữa ông Nguyễn Văn T và ông Đặng Xuân Q, bà Bùi Thị Thanh H và yêu cầu vợ chồng ông Đặng Xuân Q, bà Bùi Thị Thanh H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng và bồi thường do không bán, chuyển nhượng tài sản số tiền 200.000.000 đồng, tổng cộng 400.000.000 đồng thì bị đơn ông Q, bà H không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Do lỗi làm cho giao dịch ký kết hợp đồng chuyển nhượng về quyền sử dụng đất thuộc về ông T không thực hiện nghĩa vụ giao tiền theo thoả thuận, giải quyết hậu quả hợp đồng đặt cọc số tiền 200.000.000 đồng thuộc quyền sở hữu của ông Q, bà H. Đề nghị Toà án bác yêu cầu khởi kiện của ông T về yêu cầu hoàn trả số tiền 200.000.000 đồng đã đặt cọc, bác yêu cầu trả số tiền tương ứng với tài sản đặt cọc là 200.000.000 đồng.

Ngoài ra, chúng tôi không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố huỷ hợp đồng đặt cọc ngày 26-9-2023, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Q, bà H hoàn trả lại số tiền đặt cọc đã nhận là 200.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu ông Q, bà H bồi thường số tiền tương ứng số tiền cọc là 200.000.000 đồng. Buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện tranh chấp Hợp đồng dân sự có đặt cọc với ông Đặng Xuân Q, bà Bùi Thị Thanh H. Ông Q và bà H hiện đang cư trú tại huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T, người đại diện theo uỷ quyền của ông T; bị đơn ông Q, bà H đều đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh và Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì giữa ông Nguyễn Văn T và vợ chồng ông Đặng Xuân Q, bà Bùi Thị Thanh H trước khi thoả thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hai bên đã tiến hành giao kết Hợp đồng dân sự có đặt cọc. Do việc chuyển nhượng không thành nên các bên phát sinh tranh chấp nên xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự có đặt cọc.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 15-9-2023 ông Nguyễn Văn T dùng tài khoản của Ngân hàng T3 số tài khoản là 90916666668 đã chuyển khoản vào tài khoản M1 của ông Đặng Xuân Q số tài khoản 118181 số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Đến ngày 26-9-2023 ông T và vợ chồng ông Q, bà H ký kết hợp đồng đặt cọc.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25-7-2024 ông Nguyễn Văn T2 khai: Ông T2 là người giới thiệu mua bán đất, ngày 15-9-2023 có lập hợp đồng đặt cọc, người khác viết xong đọc lại cho mọi người cùng nghe, ông Đặng Xuân Q, bà Bùi Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn T2 ký tên là người làm chứng, lúc này không có mặt ông T nhưng qua trao đổi bằng điện thoại, ông T đồng ý đặt cọc 200.000.000 đồng, ông T thời điểm này đang công tác tại Hà Nội nên ông T chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của ông Đặng Xuân Q 200.000.000 đồng, ông T2 là người ký hợp đồng đặt cọc, ông T2 chụp hình gửi bằng điện thoại cho ông T. Khi đặt cọc hai bên thoả thuận 10 ngày sau (tức là ngày 25-9-2023) đặt cọc tiếp 600.000.000 đồng. Do ngày 25-9-2023 ông T vẫn đang công tác ngoài Hà Nội nên gia hạn thêm 05 ngày để ông T chuyển khoản 600.000.000 đồng cho ông Q. Đến hạn 05 ngày ông T đặt cọc 600.000.000 đồng ông Đặng Xuân Q không đồng ý, ông Q yêu cầu ông T đưa thêm 1.000.000.000 đồng, ông T không đồng ý với yêu cầu của ông Q. Do hai bên không thoả thuận được nên ông T2 đề

nghe huỷ hợp đồng đặt cọc ngày 15-9-2023 để ông T lên gặp ông Q trực tiếp lập lại hợp đồng đặt cọc. Ngày 26-9-2023 ông T lên D, Lâm Đồng gặp vợ chồng ông Q. Trước khi lên ông T có dặn ông T2 báo cho ông Q lên UBND xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng xin ký giấy trích lục xác nhận đất không có tranh chấp, ký giáp ranh đất không có tranh chấp nhưng đến ngày 26-9-2024 ông Q không thực hiện, nên hai bên thoả thuận lập lại Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 26-9-2023, trong hợp đồng đặt cọc ngày 26-9-2023 ghi thêm nội dung “*Bên A cam kết đất không tranh chấp, xin trích lục không tranh chấp tại xã T*”. Nội dung “*Bên B giao tiền đúng thời hạn hợp đồng, thứ 5 (05/10/) giao tiền lấy số, ngày 06/07-tháng 10 công chứng*”.

Sau khi hai bên ký hợp đồng đặt cọc ngày 26-9-2023 ông T, ông Q, bà H và ông T2 cùng có mặt tại Quỹ tín dụng nhân dân T4, lúc này ông T mới ký vào hợp đồng đặt cọc. Nội dung “*Bên B giao tiền đúng thời hạn hợp đồng, thứ 5 (05/10/) giao tiền lấy số, ngày 06/07-tháng 10 công chứng*” có nghĩa là ông T giao cho ông Q 600.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản để ông Q trả tiền vay cho Q1 tín dụng nhân dân T, lấy sổ đỏ ra, để hôm sau đi công chứng.

Tại Quỹ tín dụng nhân dân T, khoảng giờ trưa ông T chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ tín dụng nhân dân T4 để trả tiền vay cho ông Q, nhưng chờ 02 đến 03 giờ bên nhận vẫn không nhận được tiền. Khi ông T chuyển tiền thì ông Đặng Xuân Q xác nhận “*đã nhận 600.000.000 đồng chuyển thẳng tín dụng*”. Đến 17 giờ 20 phút ngày 06-10-2023 ông T kiểm tra tài sản thì tài khoản bị treo nên ông Đặng Xuân Q ký xác nhận vào nội dung “*17h20 ngày 06/10/2023 bị tra soát treo TK nên chưa nhận được tiền 600.000.000 đồng*”. Sau khi không nhận được tiền thì viết thêm nội dung “*Hẹn đến ngày 12, 13 25/10/2023 bên B sẽ đưa tiền lấy số và công chứng.*” Toàn bộ chữ viết trong hợp đồng đặt cọc do người khác viết, ông T2, ông Q, ông T, bà H đã đọc và đồng ý ký tên.

Ngày 26-9-2023 ông T lên phát cỏ, bỏ phân, khi chở phân vô thì hàng xóm ông Q có ý kiến đường đi chỉ cho gia đình ông Q đi lại, trường hợp bán đất cho người khác thì họ không cho đi lối đi đó, nên ông T nhờ chính quyền địa phương can thiệp, đến ngày hẹn ngày 25-10-2023 ông T điện cho ông T2 nói với ông Q, đến ngày 26-10-2023 hai bên gặp nhau để lại hợp đồng sang nhượng đất, ông T2 nói lại thì ông Q không đồng ý bán đất nữa, do xảy ra tranh chấp với hàng xóm ông Q, ông T có nhờ ông Trọng n lại ông Q nếu không bán đất thì trả lại tiền cọc 200.000.000 đồng cho ông T, còn tiền phát cỏ, bỏ phân ông T cho ông Q, không yêu cầu ông Q trả lại, chỉ yêu cầu trả lại tiền cọc 200.000.000 đồng nhưng ông Q không đồng ý trả. Sau khi ông T2 gọi ông Q không đồng ý, ông T2 không liên lạc gì với ông Q nữa.

- Tại biên bản xác minh ngày 25-7-2024 tại Quỹ tín dụng nhân dân T4: Ngày 06-10-2023 tại Quỹ tín dụng nhân dân T4, ông Nguyễn Văn T có chuyển khoản 600.000.000 đồng từ tài khoản của ông Nguyễn Văn T vào số tài khoản 6800000001738012, tên tài khoản Quỹ tín dụng nhân dân T4 gồm 01 lần chuyển 400.000.000 đồng và 01 lần 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, do lỗi hệ thống nên ngày 09-10-2023 Quỹ Tín dụng nhân dân Tân Châu mới nhận được số tiền 600.000.000 đồng từ tài khoản của ông Nguyễn Văn T. Đến ngày 10-10-2023 do ông T có yêu cầu chuyển hoàn lại số tiền cho ông T nên Quỹ tín dụng nhân dân T5 đã hoàn lại số tiền trên cho ông T vào tài khoản 9091666668, Ngân hàng TMCP K (TCB). Như vậy, ông Nguyễn Văn T có lỗi không “*giao tiền đúng thời hạn hợp đồng, thứ 5 (05/10/ giao tiền lấy số, ngày 06/07 tháng 10 công chứng*”.

- Tại Biên bản xác minh ngày 31-7-2024, Công an xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng cung cấp thông tin đến thời điểm ngày 31-7-2024 Công an xã T không nhận được bất cứ yêu cầu giải quyết nào liên quan đến tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn T và ông Đặng Xuân Q, bà Bùi Thị Thanh H.

- Theo Văn bản số 584/CNDLI ngày 21-6-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D thì thửa đất số 65, tờ bản đồ 57, xã T đang thế chấp tại Quỹ tín dụng nhân dân xã T4 theo hồ sơ số 29996.TA.2022. Trường hợp này hợp đồng đặt cọc có hiệu lực nhằm bảo đảm giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên. Việc người nhận đặt cọc không trả nợ Quỹ tín dụng nhân dân Tân C dẫn đến việc không thể ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất như đã thoả thuận là vi phạm thoả thuận của hợp đồng đặt cọc, đây là lỗi của bên nhận đặt cọc ông Đặng Xuân Q, bà Bùi Thị Thanh H.

Như vậy, ông Nguyễn Văn T và ông Q, bà H đều có lỗi dẫn đến không thực hiện hợp đồng, khi có “trở ngại hai bên chưa cùng nhau bàn bạc, thoả thuận dựa trên tinh thần tôn trọng quyền lợi lẫn nhau” như hợp đồng đã ký kết nên nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông Q, bà H trả lại tiền cọc cho ông T số tiền 200.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Ông T cũng có một phần lỗi nên đối với yêu cầu ông Q, bà H phải bồi thường 200.000.000 đồng cho ông T là không phù hợp. Đối với số tiền ông T cho người vô vườn dọn cỏ, bỏ phân không T không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên xác định ông Nguyễn Văn T khởi kiện ông Đặng Xuân Q, bà Bùi Thị Thanh H trả lại tiền cọc 200.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Do nguyên đơn cũng có một phần lỗi nên không chấp nhận yêu cầu Đặng Xuân Q, bà Bùi Thị Thanh H bồi thường số tiền 200.000.000 đồng.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T chịu chi phí tố tụng khai thác hồ sơ 76.360 đồng (Bảy mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi đồng), đã quyết toán xong.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 328 và Điều 404 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2, 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đối với bị đơn ông Đặng Xuân Q, bà Bùi Thị Thanh H về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự có đặt cọc”.

Hủy Hợp đồng đặt cọc ngày 26-9-2023, giữa ông Nguyễn Văn T và ông Đặng Xuân Q, bà Bùi Thị Thanh H.

Buộc ông Đặng Xuân Q, bà Bùi Thị Thanh H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền đặt cọc đã nhận là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đối với bị đơn ông Đặng Xuân Q, bà Bùi Thị Thanh H về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự có đặt cọc” đối với yêu cầu trả số tiền bồi thường tương ứng số tiền cọc đã nhận số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T chịu chi phí tố tụng khai thác hồ sơ 76.360 đồng (Bảy mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi đồng), đã quyết toán xong.

4. Về án phí:

Buộc ông Đặng Xuân Q, bà Bùi Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 10.300.000 đồng (Mười triệu ba trăm nghìn đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.300.000 đồng (Mười triệu ba trăm nghìn đồng), hoàn trả ông Nguyễn Văn T số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005774 ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Di Linh;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục thi hành án huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Thị Mỹ Lệ

